

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PGS.TS. Lê Văn Sang

Viện Kinh tế Thế giới

Mặc dù quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trong những năm gần đây đã có bước tiến ngoạn mục, nhưng so với tiềm năng phát triển của hai nước thì những tiến bộ đó vẫn chưa đúng tầm, nhất là trong tình hình liên kết kinh tế khu vực phát triển rất nhanh hiện nay. Bằng cách nào đưa quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản lên tầm cao mới, góp phần hữu hiệu hơn cho sự phát triển kinh tế của cả hai nước, đồng thời góp phần vào sự ổn định và phồn thịnh toàn khu vực. Đó là mục đích của bài viết này nhân kỷ niệm 30 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản.

I. NHÌN LẠI QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN

Mọi người đều biết Việt Nam đã có những mối liên hệ với Nhật Bản từ hàng trăm năm nay trên các lĩnh vực thương mại, văn hoá, giáo dục mà đến nay chúng ta còn được chứng kiến những dấu tích quan trọng còn lại tại đô thị cổ Hội An của Việt Nam, thành phố mới được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới.

Những năm gần đây, trong quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với Việt Nam, Nhật Bản là đối tác hàng đầu với vai trò và ảnh hưởng ngày càng tăng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam. Viện trợ của Nhật Bản cho Việt Nam là vô cùng to lớn và quý báu, không chỉ bổ sung nguồn vốn mà còn hỗ trợ nhiều mặt, từ tư vấn chính sách, đào tạo nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, chuyển giao công nghệ v.v... Là nhà tài trợ lớn nhất cho Việt Nam, thông qua nguồn vốn ODA đã giúp Việt Nam xây dựng và nâng cao các cơ sở hạ tầng quan trọng trong các lĩnh vực giao thông, điện, cấp thoát nước, thủy lợi, phát triển nông thôn... Vai trò của Nhật Bản được định hình và ngày càng phát huy trong các chương trình hợp tác phát triển vùng (GMS), lưu vực sông Mê Kông, Hành lang Đông - Tây WEC... Nhật Bản cũng là thị trường quan trọng hàng đầu trong quan hệ thương mại và đầu tư của Việt Nam.

Rõ ràng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản có những bước phát triển vững chắc.

và đến nay cả hai nước đều thấy cần thiết và tin rằng có thể trở thành đối tác kinh tế toàn diện của nhau trong tương lai. Thật vậy, tháng 12/1998, tại Hà Nội, Thủ tướng Obuchi đã khẳng định mối quan hệ Nhật Bản - Việt Nam trong thế kỷ XXI sẽ là "những đối tác chân thành, cởi mở, cùng hành động, cùng tiến bước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương" và trên tinh thần đó trong chuyến thăm và làm việc tại Nhật Bản 4/2003, Thủ tướng Phan Văn Khải cùng Thủ tướng Koizumi đã công bố Sáng kiến nghiên cứu chung Việt Nam - Nhật Bản về môi trường kinh doanh ở Việt Nam nhằm tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam, trong đó tập trung chủ yếu vào sự hợp tác và phối hợp trong các lĩnh vực đầu tư, thương mại, ODA và dịch vụ.

II. NHỮNG ĐÒI HỎI NÂNG QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN LÊN TẦM CAO MỚI

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản những năm gần đây phát triển tốt, nhưng vẫn còn quá thấp so với tiềm lực cũng như khả năng bổ sung cho nhau của hai nền kinh tế này. Đã đến lúc cả hai nước cần có quyết sách nâng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản lên tầm cao mới. Điều này phù hợp với những đòi hỏi khách quan gắn với nhu cầu phát triển của cả hai nước cũng như xu thế mới của liên kết kinh tế khu vực hiện nay.

1. Về những yêu cầu mới trong phát triển kinh tế của hai nước

Hơn 10 năm qua, nền kinh tế Nhật Bản suy thoái tri triệ. Có nhiều cách đánh giá khác nhau về hiện tượng này. Chúng tôi thiên về quan điểm cho rằng nền kinh tế Nhật Bản không phải rơi xuống vực thẳm chẳng thấy đường ra mà đang ở giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ. Đây là quá trình chuyển biến từ tăng trưởng kinh tế theo mô hình đuổi bắt công nghiệp hoá cao sang mô hình tăng trưởng của nền kinh tế mới - nền kinh tế tri thức, nó đòi hỏi một cuộc cải cách sâu sắc về thể chế kinh tế làm thay đổi cơ cấu kinh tế, chuyển cơ cấu kinh tế thiên "về lượng" như công nghiệp sắt thép, công nghiệp cơ khí, công nghiệp hoá chất đang ngày càng mất thế cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu, sang các ngành kinh tế tri thức như nghiên cứu và phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, phát triển ngành dịch vụ. Bước chuyển kinh tế này ở Nhật Bản hiện nay có thể ví như một đoàn tàu cao tốc đi đến đoạn cua, giảm tốc là chuyển bình thường, nhưng khi đã đi qua đoạn cua này sẽ tăng tốc, nhanh chóng vượt lên.

Điều cần nhấn mạnh ở đây là, khác hai lần cải cách tạo sự bứt phá thần kỳ trong lịch sử phát triển kinh tế Nhật Bản - "thần kỳ" nhờ cải cách Minh Trị và "thần kỳ" nhờ cải cách sau chiến tranh, lần cải cách thứ ba này, muốn bứt phá "thần kỳ", Nhật Bản không chỉ "thu vào", ngược lại cần phải "chuyển ra" một cách hiệu quả nhất; nghĩa là cần

chuyển giao công nghệ, chuyển các ngành công nghiệp đang ngày càng mất thế cạnh tranh đối với Nhật Bản trong nền kinh tế toàn cầu sang các nước còn nhiều lợi thế cạnh tranh khi phát triển các ngành này trên thế giới hiện nay để Nhật Bản có thể bứt phá các ngành mũi nhọn của nền kinh tế tri thức.

Cũng theo logic trên, chúng ta chuyển sang xem xét về nhu cầu phát triển kinh tế Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển, đang thực hiện đổi mới chuyển sang kinh tế thị trường khá thành công, hiện đang trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Việt Nam hiện có nhu cầu phát triển tất cả các ngành nghề Nhật Bản cần chuyển dịch ra nước ngoài với nhiều lợi thế cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu nếu như hai nước phối hợp với nhau khai thác tốt.

Nhìn một cách tổng quát, về vị trí địa kinh tế, về quy mô nền kinh tế, về các nguồn lực cho phát triển, Việt Nam xấp xỉ Nhật Bản khi bước vào thời kỳ cất cánh sau chiến tranh, khả năng hấp thụ các ngành nghề kinh tế Nhật Bản cần chuyển nước ngoài là rất lớn. Tất nhiên, so với thị trường Trung Quốc, sự hấp dẫn các nhà đầu tư Nhật Bản có thể mạnh hơn, song xét theo quan điểm thực tiễn, một số nhà đầu tư Nhật Bản cũng thấy chọn Việt Nam làm cứ điểm đầu tư mới thay vì Trung Quốc sẽ nâng tính an toàn của vốn đầu tư hơn là tập trung vào Trung Quốc, hơn nữa đầu tư vào Việt Nam vẫn có thể bán hàng sang Trung Quốc. Quan điểm thực tiễn này đã được ông Masatoshi Shigefuchi, chủ tịch tập đoàn ToTo bày tỏ trong buổi lễ động thổ xây dựng nhà máy ToTo Việt Nam tại khu công nghiệp Thăng Long (Hà Nội), ngày 27/8/2002. Tập đoàn ToTo đã có 7 nhà máy ở phía Bắc Trung Quốc, nay chọn Việt Nam làm cứ điểm mới vì theo ông Masatoshi Shigefuchi, "Nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng cao và liên tục, là một thị trường đầy tiềm năng", hơn nữa "TOTO Việt Nam sẽ xuất khẩu hơn 50% sản phẩm vào thị trường miền Nam Trung Quốc". Cũng trong buổi lễ động thổ này, một quan chức ngoại giao Nhật Bản tại Hà Nội nhận xét: "Chiến lược đầu tư tại Việt Nam để bán hàng sang miền Nam Trung Quốc là sự lựa chọn đúng đắn của TOTO và một số nhà đầu tư Nhật Bản khác".

2. Xu thế liên kết kinh tế khu vực

Bước vào thế kỷ XXI, xu thế liên kết kinh tế khu vực Đông á có bước chuyển biến tích cực. Năm 2001 được xem là mốc son lịch sử của tiến trình liên kết kinh tế khu vực được thể hiện qua nhiều ý tưởng, nhiều khuôn khổ liên kết kinh tế khu vực đã được đưa vào chương trình nghị sự, trong đó khuôn khổ 10+1 ASEAN - Trung Quốc đã trở thành

hiện thực. Hiệp định thành lập Khu vực Tự do thương mại ASEAN - Trung Quốc dự định hoàn thành vào năm 2010 đối với ASEAN 6 và năm 2015 với 4 nước mới gia nhập đã được ký kết vào năm 2001 và đang triển khai tích cực. Xu thế liên kết kinh tế khu vực mạnh mẽ này tất nhiên tác động đáng kể đến mọi quan hệ kinh tế khu vực, trong đó có quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản.

Vấn đề được nhiều người quan tâm trong xu thế liên kết kinh tế khu vực gần đây là sự phát triển kinh tế nổi trội và bước tiến rất nhanh trong liên kết kinh tế khu vực của Trung Quốc, cùng với sự suy thoái kéo dài của nền kinh tế Nhật Bản và sự chậm hơn của Nhật Bản trong liên kết kinh tế khu vực có thể sẽ ảnh hưởng đến sự mất cân đối nào đó trong hợp tác kinh tế Đông Á. Và mọi người đều hiểu rằng mọi sự mất cân đối về lợi ích kinh tế trong khu vực, đặc biệt là lợi ích kinh tế của Nhật Bản và Trung Quốc - hai nền kinh tế lớn vượt trội trong khu vực sẽ ảnh hưởng nhiều chiều đến sự ổn định cũng như phát triển phồn vinh của cả khu vực. Đông Á sẽ hợp tác nhịp nhàng hơn, cùng nhau chia sẻ sự phồn vinh một khi nền kinh tế Nhật Bản nhanh chóng vượt qua bước chuyển sang nền kinh tế tri thức, tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu thúc đẩy kinh tế khu vực. Trong bước chuyển đó, sự phát triển lành mạnh của kinh tế ASEAN và Việt Nam có vai trò quan trọng đối với Nhật Bản. Vì đây thực sự là nơi an toàn nhất để Nhật Bản chuyển các ngành sản xuất đang mất thế cạnh tranh mà vẫn tạo được thế cân bằng phát triển của khu vực kinh tế Đông Á. Có thể nói, củng cố tốt vị thế của Nhật Bản trong hợp tác kinh tế với ASEAN và Việt Nam sẽ làm cho liên kết kinh tế Đông Á bền vững, và Đông Á mới trở thành trung tâm kinh tế thế giới cạnh tranh hiệu quả với EU và NAFTA.

Có không ít nghiên cứu đã phân tích liên kết kinh tế Đông Á cần lấy ASEAN làm trung tâm, không phải vì sức mạnh kinh tế to lớn của ASEAN mà vì vị thế tạo sự cân bằng lợi ích kinh tế chính trị của nó ở Đông Á, nhưng với điều kiện đó phải là một ASEAN đoàn kết với một thị trường 500 triệu dân hấp dẫn các nhà đầu tư chứ không phải là ASEAN với 10 nền kinh tế "manh mún" và còn nhiều nước "chưa phát triển". Đã đến lúc ASEAN phải vươn lên tầm nhìn cao mới, xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN, biến ASEAN thành một thị trường chung vào năm 2020 theo đường hướng của Cộng đồng kinh tế châu Âu đã được Thủ tướng Xingapo Goh Chok Tong đề xuất trong Hội nghị thượng đỉnh kinh tế Đông Á ở Kuala Lumpur tháng 10/2002³. Một Cộng đồng kinh tế ASEAN phát triển có quan hệ kinh tế chặt chẽ với Nhật Bản, Trung Quốc, châu Âu và Mỹ... chắc chắn sẽ đóng vai trò trung tâm cân bằng sự phát triển kinh tế Đông Á.

Để có được một cộng đồng kinh tế ASEAN phát huy tốt vai trò trên, Việt Nam và các nước chậm phát triển khác trong ASEAN cần có sự tiến bộ nhanh trong cải cách m

của, hội nhập quốc tế để phát triển, giảm khoảng cách trong ASEAN. Nhật Bản nhìn thấy và hy vọng Việt Nam sẽ làm được, do vậy đã sẵn sàng trợ giúp Việt Nam thực hiện tốt điều đó.

Những điều kiện mới của quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản đầu thế kỷ XXI bắt nguồn từ nhu cầu phát triển của hai nền kinh tế và những đòi hỏi mới của liên kết kinh tế khu vực như những phân tích trên cho thấy tính bức xúc của việc nâng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản lên tầm cao mới.

III. CHỦ ĐỘNG KHAI THÁC QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản ở phần II được xem xét từ nhu cầu phát triển của cả hai phía cho thấy Việt Nam - Nhật Bản đều cần đến nhau trong hợp tác phát triển vì lợi ích của hai nước và toàn khu vực. Tuy vậy, cũng cần phải nhận xét một cách khách quan rằng, các ngành sản xuất công nghiệp Nhật Bản cần chuyển ra nước ngoài chẳng thiếu nơi đầu tư có lợi đối với họ. Trung Quốc những năm qua là nơi rất hấp dẫn FDI Nhật Bản. Để tránh rủi ro của sự tập trung quá lớn vào thị trường Trung Quốc, gần đây FDI Nhật Bản đang chuyển mạnh sang Malaixia.

Ngược lại, đối với Việt Nam, như trên đã đề cập, nhu cầu phát triển các ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp chế tạo mà Nhật Bản cần chuyển dịch ra nước ngoài là rất lớn; lợi thế của việc tiếp nhận các ngành nghề này của Nhật Bản có thể nói là vượt trội so với các đối tác kinh tế khác trong khu vực. Điều này có thể hình dung được qua bức tranh chung sau đây: Nếu FDI của Trung Quốc chủ yếu là công nghệ của những năm 60, FDI của Hàn Quốc chủ yếu là công nghệ của những năm 70 thì FDI của Nhật Bản chủ yếu là công nghệ những năm 80, do vậy thu hút FDI Nhật Bản sẽ có ý nghĩa lớn trong việc nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam. Sẽ có người phản bác rằng, công nghệ cao đâu chỉ Nhật Bản mới có, nếu lấy tiêu chí này thì Mỹ và EU đâu thua kém. Xin thưa, quán triệt phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, Việt Nam đâu có ý quay lưng lại với FDI của Mỹ và EU. Vấn đề là ở chỗ sự bức xúc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Mỹ và EU khác Nhật Bản, và hai đối tác trên đâu có chiến lược "Trở về châu Á" như Nhật Bản, đâu có coi Đông Nam Á như "sân sau" của mình, đâu có coi Việt Nam như một điểm chốt cần hợp tác phát triển như Nhật Bản kỳ vọng, đây là chưa kể đến những điểm quan trọng khác là sự gắn gũi về địa lý, về văn hoá...

Từ sự phân tích trên, chúng tôi cho rằng Việt Nam cần chủ động coi Nhật Bản là đối tác kinh tế hàng đầu, phát triển hợp tác kinh tế toàn diện, lấy việc thu hút FDI Nhật Bản theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam làm mục tiêu xuyên suốt.

Để khai thác tốt quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trong thời gian tới, Việt Nam

cần chủ động xây dựng chiến lược dài hạn trong hợp tác kinh tế với Nhật Bản, có thể đến năm 2020.

Trên cơ sở tin cậy lẫn nhau, hai bên cùng xác định các mục tiêu ưu tiên và các chính sách phù hợp, đáp ứng quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả hai nước, tạo thế ổn định cùng phát triển thịnh vượng của Đông Á.

Chủ động cùng phía Nhật Bản thực thi quan điểm gắn ODA, FDI, thương mại và du lịch vào khuôn khổ hợp tác trung hạn và dài hạn giữa hai quốc gia, trọng tâm đẩy mạnh thu hút FDI Nhật Bản theo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của Việt Nam. Trước mắt triển khai tích cực Sáng kiến Việt - Nhật đã được hai Thủ tướng nhất trí đưa ra nhân chuyến thăm Nhật Bản của Thủ tướng Phan Văn Khải tháng 4/2003⁴.

Cần có sự ưu đãi nhất định đối với các dự án FDI công nghệ cao phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam đến năm 2020 nói chung, với FDI Nhật Bản nói riêng. Trước mắt cần chủ động trong việc ký hiệp định về đầu tư với Nhật Bản, tiến tới ký sớm hiệp định thương mại.

Chủ động tìm kiếm các hình thức mới và các biện pháp tăng cường hợp tác kinh tế với Nhật Bản, tăng sự tự chủ cho các địa phương trong hợp tác kinh tế với Nhật Bản.

Đồng thời với sự chủ động, tích cực trong quan hệ song phương với Nhật Bản, cũng cần thấy rằng còn một yếu tố cơ bản khác có vai trò quyết định đến sự phát triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản theo hướng trên, đó là mức độ đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Cụ thể là sự phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam, sự tham gia của Việt Nam vào các định chế quốc tế và khu vực, trước mắt là việc gia nhập WTO của Việt Nam.

CHÚ THÍCH

1. Thông cáo báo chí chung Việt Nam - Nhật Bản trong chuyến thăm Nhật Bản từ ngày 2 đến 5 tháng 10 năm 2002 của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh.
2. Hồng Ngọc: *Đầu tư ở Việt Nam, bán hàng qua Trung Quốc*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, 9/2002, tr. 34.
3. *Thực hiện một EAFTA lấy ASEAN làm trung tâm*, Kinh tế quốc tế số 028-TTX, ngày 20/7/2003.
4. *Triển khai sáng kiến Việt - Nhật*, Thời báo kinh tế Việt Nam, số 117, 23/7/2003.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Phú Hiệp (chủ biên): *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trong bối cảnh quốc tế mới*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, năm 2003.
2. Dương Phú Hiệp (chủ biên): *Triển vọng kinh tế Nhật Bản trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 2001.
3. Vũ Văn Hà: *Cải cách cơ cấu kinh tế Nhật Bản*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
4. Nguyễn Duy Dũng: *Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trong thập niên đầu thế kỷ XXI*, Báo cáo Hội thảo "Nhật Bản và châu Á: Triển vọng và hợp tác kinh tế trong thế kỷ XXI", Hà Nội, 3/2003.
5. Liao ShaoLian: *Quan hệ kinh tế Trung Quốc - Nhật Bản và hợp tác kinh tế khu vực Đông Á*, Báo cáo Hội thảo "Nhật Bản và châu Á: Triển vọng hợp tác kinh tế trong thế kỷ XXI", Hà Nội, 3/2003.

VIETNAM - JAPAN ECONOMIC RELATION IN NEW ENVIRONMENT

Assoc. Prof. Dr. Le Van Sang
Institute of World Economics

The paper is divided in to three parts:

In the first part, the author analyses the spectacular achievements of Vietnam - Japan economic cooperation in the recent time. However, the author firmly insists that those achievements do not represent the economic potentials of the two countries and their cooperation.

In the second part, the author goes deeply into lively factors which prospectively facilitate the two countries' economic link. These factors arise from emerging urgent needs on shifting and upgrading the economic structure of the two countries as well as regional economic integration in East Asia. The powerful prosperity of China drives Vietnam and Japan to raise their economic relation to a new hight, thus contributing to the economic development of the two countries and the local region.

In the third part, the author works out suggested solutions that the two countries need to implement. The author strongly recommends that the two governments need to enforce their development policy, fully utilize ODA to channel FDI of Japan into Vietnam.